

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án TP1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc địa phận xã Thuận An, xã Phù Đổng, thành phố Hà Nội và địa phận phường Từ Sơn, phường Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh thuộc Dự án: Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thực hiện Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình về thủ đô Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND xã Phù Đổng)

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m ²)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thường tiền độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m ²)	Diện tích trong chỉ giới (m ²)	Diện tích thu hồi nốt (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
1	149	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Quang Hịch	Thôn 4, xã Phù Đổng	511.50	511.50	-	0.00	79,282,500	0	396,412,500				5,115,000	610,530,000	
	326			138.00	138.00	-	0.00	21,390,000	0	106,950,000				1,380,000		
2	150	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đạo Phúc (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Đạo Phúc	Thôn 4, xã Phù Đổng	613.80	613.80	-	0.00	95,139,000	0	475,695,000				6,138,000	732,636,000	
	327			165.60	165.60	-	0.00	25,668,000	0	128,340,000				1,656,000		
3	151	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Ngọc Sứ (Sứ)	Thôn 4, xã Phù Đổng	425.10	425.10	-	0.00	65,890,500	0	329,452,500				4,251,000	529,314,000	
	329			138.00	138.00	-	0.00	21,390,000	0	106,950,000				1,380,000		
4	152	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đạo Đức	Thôn 4, xã Phù Đổng	305.10	305.10	-	0.00	47,290,500	0	236,452,500				3,051,000	364,626,000	
	328			82.80	82.80	-	0.00	12,834,000	0	64,170,000				828,000		
5	153	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Hiền	Thôn 4, xã Phù Đổng	488.00	488.00	-	0.00	75,640,000	0	378,200,000				4,880,000	589,380,000	
	382			139.00	139.00	-	0.00	21,545,000	0	107,725,000				1,390,000		
6	155	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Chính	Thôn 4, xã Phù Đổng	97.60	97.60	-	0.00	15,128,000	0	75,640,000				976,000	117,876,000	
	371			27.80	27.80	-	0.00	4,309,000	0	21,545,000				278,000		
7	157	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Sáu (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Sáu	Thôn 4, xã Phù Đổng	395.90	395.90	-	0.00	61,364,500	0	306,822,500				3,959,000	372,146,000	
8	158	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Công Luận(thảo)	Thôn 4, xã Phù Đổng	488.00	488.00	-	0.00	75,640,000	0	378,200,000				4,880,000	458,720,000	
9	159	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Diễm (Truy)	Thôn 4, xã Phù Đổng	488.00	488.00	-	0.00	75,640,000	0	378,200,000				4,880,000	589,380,000	
	350			139.00	139.00	-	0.00	21,545,000	0	107,725,000				1,390,000		
10	161	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Khánh (Hương)	Thôn 4, xã Phù Đổng	390.40	390.40	-	0.00	60,512,000	0	302,560,000				3,904,000	471,504,000	
	337			111.20	111.20	-	0.00	17,236,000	0	86,180,000				1,112,000		

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thưởng tiền độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
11	162	Hộ gia đình ông (bà) Vũ Thị Thủy	Thôn 4, xã Phù Đổng	390.40	390.40	-	0.00	60,512,000	0	302,560,000				3,904,000	471,504,000	
	372			111.20	111.20	-	0.00	17,236,000	0	86,180,000				1,112,000		
12	163	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Thắng (huê) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Thắng (huê)	Thôn 4, xã Phù Đổng	373.20	373.20	-	0.00	57,846,000	0	289,230,000				3,732,000	350,808,000	
13	164	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Minh (Luyến)	Thôn 4, xã Phù Đổng	466.50	466.50	-	0.00	72,307,500	0	361,537,500				4,665,000	438,510,000	
14	165	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Khích (toàn)	Thôn 4, xã Phù Đổng	653.10	653.10	-	0.00	101,230,500	0	506,152,500				6,531,000	613,914,000	
15	166	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Hoa (tuần)	Thôn 4, xã Phù Đổng	373.20	373.20	-	0.00	57,846,000	0	289,230,000				3,732,000	350,808,000	
16	316	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Chung (Hiên)	Thôn 4, xã Phù Đổng	138.00	138.00	-	0.00	21,390,000	0	106,950,000				1,380,000	129,720,000	
17	170	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Thuý (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Thạch Văn Thuý	Thôn 4, xã Phù Đổng	1,595.00	1,595.00	-	0.00	247,225,000	0	1,236,125,000				10,000,000	1,493,350,000	
18	173	Hộ gia đình ông (bà) Vũ Văn Thắng	Thôn 4, xã Phù Đổng	559.80	559.80	-	0.00	86,769,000	0	433,845,000				5,598,000	526,212,000	
19	174	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Trọng Minh (trang)	Thôn 4, xã Phù Đổng	559.80	559.80	-	0.00	86,769,000	0	433,845,000				5,598,000	526,212,000	
20	175	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Trọng Hội (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Trọng Hội	Thôn 4, xã Phù Đổng	466.50	466.50	-	0.00	72,307,500	0	361,537,500				4,665,000	438,510,000	
21	176	Hộ gia đình ông (bà) Lý Duy Hồng (thường)	Thôn 4, xã Phù Đổng	642.60	642.60	-	0.00	99,603,000	0	498,015,000				6,426,000	604,044,000	
22	177	Hộ gia đình ông (bà) Vũ Thị Xuân (Thắng)	Thôn 4, xã Phù Đổng	373.20	373.20	-	0.00	57,846,000	0	289,230,000				3,732,000	559,112,000	
	307			221.60	221.60	-	0.00	34,348,000	0	171,740,000				2,216,000		
23	178	Hộ gia đình ông (bà) Trịnh Gia Khánh (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Trịnh Gia Khánh	Thôn 4, xã Phù Đổng	559.80	559.80	-	0.00	86,769,000	0	433,845,000				5,598,000	838,668,000	
	306			332.40	332.40	-	0.00	51,522,000	0	257,610,000				3,324,000		
24	179	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Hữu Tuất (Chân) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Hữu Tuất (Chân)	Thôn 4, xã Phù Đổng	261.30	261.30	-	0.00	40,501,500	0	202,507,500				2,613,000	375,342,000	
	319			138.00	138.00	-	0.00	21,390,000	0	106,950,000				1,380,000		

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thương tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
25	180	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Khắc Cường (Hào) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Khắc Cường (Hào)	Thôn 4, xã Phù Đổng	772.10	772.10	-	0.00	119,675,500	0	598,377,500				7,721,000	907,382,000	
	356			193.20	193.20	-	0.00	29,946,000	0	149,730,000				1,932,000		
26	181	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Giao (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thị Giao	Thôn 4, xã Phù Đổng	957.00	957.00	-	0.00	148,335,000	0	741,675,000				9,570,000	899,580,000	
27	182	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Ngọc Du (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Ngọc Du	Thôn 4, xã Phù Đổng	716.10	716.10	-	0.00	110,995,500	0	554,977,500				7,161,000	673,134,000	
28	183	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Luyến	Thôn 4, xã Phù Đổng	309.90	309.90	-	0.00	48,034,500	0	240,172,500				3,099,000	369,138,000	
	321			82.80	82.80	-	0.00	12,834,000	0	64,170,000				828,000		
29	184	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Khắc Chất (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Khắc Chất	Thôn 4, xã Phù Đổng	409.20	409.20	-	0.00	63,426,000	0	317,130,000				4,092,000	488,424,000	
	375			110.40	110.40	-	0.00	17,112,000	0	85,560,000				1,104,000		
30	186	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Thu (thanh)	Thôn 4, xã Phù Đổng	466.50	466.50	-	0.00	72,307,500	0	361,537,500				4,665,000	698,890,000	
	304			277.00	277.00	-	0.00	42,935,000	0	214,675,000				2,770,000		
31	187	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Ngũ (Diện)	Thôn 4, xã Phù Đổng	373.20	373.20	-	0.00	57,846,000	0	289,230,000				3,732,000	559,112,000	
	305			221.60	221.60	-	0.00	34,348,000	0	171,740,000				2,216,000		
32	189	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Huy Bình (khám)	Thôn 4, xã Phù Đổng	367.20	367.20	-	0.00	56,916,000	0	284,580,000				3,672,000	345,168,000	
33	190	Hộ gia đình ông (bà) Lý Duy An	Thôn 4, xã Phù Đổng	550.80	550.80	-	0.00	85,374,000	0	426,870,000				5,508,000	517,752,000	
34	191	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Toàn Thắng (chung)	Thôn 4, xã Phù Đổng	367.20	367.20	-	0.00	56,916,000	0	284,580,000				3,672,000	345,168,000	
35	192	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Thoa	Thôn 4, xã Phù Đổng	642.60	642.60	-	0.00	99,603,000	0	498,015,000				6,426,000	604,044,000	
36	197	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Ngọc Thi (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Ngọc Thi	Thôn 4, xã Phù Đổng	204.60	204.60	-	0.00	31,713,000	0	158,565,000				2,046,000	192,324,000	
37	198	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Hạnh (Thời)	Thôn 4, xã Phù Đổng	613.80	613.80	-	0.00	95,139,000	0	475,695,000				6,138,000	732,636,000	
	379			165.60	115.70	49.90	0.00	25,668,000	0	128,340,000				1,656,000		
38	199	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Sơn (Lan) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Sơn (Lan)	Thôn 4, xã Phù Đổng	1,435.50	1,435.50	-	0.00	222,502,500	0	1,112,512,500				10,000,000	1,345,015,000	

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thương tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
39	200	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Thị Tuyết (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Thạch Thị Tuyết	Thôn 4, xã Phù Đổng	319.00	319.00	-	0.00	49,445,000	0	247,225,000				3,190,000	299,860,000	
40	202	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Hữu Thành	Thôn 4, xã Phù Đổng	409.20	409.20	-	0.00	63,426,000	0	317,130,000				4,092,000	488,424,000	
	376			110.40	110.40	-	0.00	17,112,000	0	85,560,000				1,104,000		
41	203	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Hữu Kiên	Thôn 4, xã Phù Đổng	409.20	409.20	-	0.00	63,426,000	0	317,130,000				4,092,000	488,424,000	
	377			110.40	110.40	-	0.00	17,112,000	0	85,560,000				1,104,000		
42	204	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Chắt (Phương) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thị Chắt (Phương)	Thôn 4, xã Phù Đổng	204.60	204.60	-	0.00	31,713,000	0	158,565,000				2,046,000	244,212,000	
	378			55.20	55.20	-	0.00	8,556,000	0	42,780,000				552,000		
43	211	Hộ gia đình ông (bà) Lê Thị Quý (lâm)	Thôn 4, xã Phù Đổng	547.80	547.80	-	0.00	84,909,000	0	424,545,000				5,478,000	669,468,000	
	389			164.40	164.40	-	0.00	25,482,000	0	127,410,000				1,644,000		
44	212	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Phúc (hiền)	Thôn 4, xã Phù Đổng	730.40	730.40	-	0.00	113,212,000	0	566,060,000				7,304,000	892,624,000	
	366			219.20	219.20	-	0.00	33,976,000	0	169,880,000				2,192,000		
45	213	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Gia Dũng (mỹ)	Thôn 4, xã Phù Đổng	734.40	734.40	-	0.00	113,832,000	0	569,160,000				7,344,000	690,336,000	
46	214	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thọ Bình (Nhã)	Thôn 4, xã Phù Đổng	544.90	544.90	-	0.00	84,459,500	0	422,297,500				5,449,000	512,206,000	
47	218	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Tụ (Thành) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thị Tụ (Thành)	Thôn 4, xã Phù Đổng	195.20	195.20	-	0.00	30,256,000	0	151,280,000				1,952,000	183,488,000	
48	219	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Gia Trường (Đầu)	Thôn 4, xã Phù Đổng	818.40	818.40	-	0.00	126,852,000	0	634,260,000				8,184,000	769,296,000	
49	220	Hộ gia đình ông (bà) Ngô Văn Thêm	Thôn 4, xã Phù Đổng	511.50	511.50	-	0.00	79,282,500	0	396,412,500				5,115,000	480,810,000	
50	221	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Ngọc Tùng	Thôn 4, xã Phù Đổng	320.00	320.00	-	0.00	49,600,000	0	248,000,000				3,200,000	300,800,000	
51	222	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Ngọc Đỉnh (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Ngọc Đỉnh	Thôn 4, xã Phù Đổng	1,116.50	1,116.50	-	0.00	173,057,500	0	865,287,500				10,000,000	1,048,345,000	
52	223	Hộ gia đình ông (bà) Ngô Văn Trường (Ngô Quang Thành)	Thôn 4, xã Phù Đổng	306.90	306.90	-	0.00	47,569,500	0	237,847,500				3,069,000	288,486,000	
53	224	Hộ gia đình ông (bà) Ngô Thị Tinh	Thôn 4, xã Phù Đổng	613.80	613.80	-	0.00	95,139,000	0	475,695,000				6,138,000	576,972,000	

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thương tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
54	225	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Thắng (hạnh) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Thắng (hạnh)	Thôn 4, xã Phù Đổng	390.40	390.40	-	0.00	60,512,000	0	302,560,000				3,904,000	366,976,000	
55	226	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Thủy (Toàn)	Thôn 4, xã Phù Đổng	488.00	488.00	-	0.00	75,640,000	0	378,200,000				4,880,000	458,720,000	
56	227	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đức Hẹ (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Đức Hẹ	Thôn 4, xã Phù Đổng	488.00	488.00	-	0.00	75,640,000	0	378,200,000				4,880,000	589,380,000	
	383			139.00	139.00	-	0.00	21,545,000	0	107,725,000				1,390,000		
57	232	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đình Hưng (loan)	Thôn 4, xã Phù Đổng	730.40	730.40	-	0.00	113,212,000	0	566,060,000				7,304,000	892,624,000	
	364			219.20	219.20	-	0.00	33,976,000	0	169,880,000				2,192,000		
58	234	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Khắc Vĩnh (nhờ) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Khắc Vĩnh (nhờ)	Thôn 4, xã Phù Đổng	547.80	547.80	-	0.00	84,909,000	0	424,545,000				5,478,000	669,468,000	
	367			164.40	164.40	-	0.00	25,482,000	0	127,410,000				1,644,000		
59	235	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Thắng (minh)	Thôn 4, xã Phù Đổng	462.00	462.00	-	0.00	71,610,000	0	358,050,000				4,620,000	563,060,000	
	388			137.00	137.00	-	0.00	21,235,000	0	106,175,000				1,370,000		
60	236	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Thị Kỳ (thường)	Thôn 4, xã Phù Đổng	369.60	369.60	-	0.00	57,288,000	0	286,440,000				3,696,000	347,424,000	
	387			109.60	109.60	-	0.00	16,988,000	0	84,940,000				1,096,000	103,024,000	
61	239	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đình Đính (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Đình Đính	Thôn 4, xã Phù Đổng	839.70	839.70	-	0.00	130,153,500	0	650,767,500				8,397,000	789,318,000	
62	240	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Lợi (thọ)	Thôn 4, xã Phù Đổng	390.40	390.40	-	0.00	60,512,000	0	302,560,000				3,904,000	471,504,000	
	335			111.20	111.20	-	0.00	17,236,000	0	86,180,000				1,112,000		
63	241	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Bằng	Thôn 4, xã Phù Đổng	780.80	780.80	-	0.00	121,024,000	0	605,120,000				10,000,000	942,976,000	
	374			222.40	222.40	-	0.00	34,472,000	0	172,360,000						
64	243	Hộ gia đình ông (bà) Ngô Văn Hào	Thôn 4, xã Phù Đổng	716.10	716.10	-	0.00	110,995,500	0	554,977,500				7,161,000	673,134,000	
65	245	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đức Lục	Thôn 4, xã Phù Đổng	390.40	390.40	-	0.00	60,512,000	0	302,560,000				3,904,000	471,504,000	
	381			111.20	111.20	-	0.00	17,236,000	0	86,180,000				1,112,000		
66	246	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Giang	Thôn 4, xã Phù Đổng	488.00	488.00	-	0.00	75,640,000	0	378,200,000				4,880,000	589,380,000	
	380			139.00	108.40	30.60	0.00	21,545,000	0	107,725,000				1,390,000		

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thương tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
67	247	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Tiến Thành	Thôn 4, xã Phù Đổng	373.20	373.20	-	0.00	57,846,000	0	289,230,000			3,732,000	350,808,000		
68	248	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thanh Hải	Thôn 4, xã Phù Đổng	186.60	186.60	-	0.00	28,923,000	0	144,615,000			1,866,000	175,404,000		
69	249	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Hợp(chung)	Thôn 4, xã Phù Đổng	373.20	373.20	-	0.00	57,846,000	0	289,230,000			3,732,000	350,808,000		
70	312	Hộ gia đình ông (bà) Lý Duy Cư (cúc)	Thôn 4, xã Phù Đổng	438.20	46.73	-	391.47	7,243,150	0	36,215,750			467,300	43,926,200		
71	252	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Ân	Thôn 4, xã Phù Đổng	430.40	430.40	-	0.00	66,712,000	0	333,560,000			4,304,000	533,356,000		
	385			137.00	137.00	-	0.00	21,235,000	0	106,175,000			1,370,000			
72	253	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Chiến (gái)	Thôn 4, xã Phù Đổng	554.10	554.10	-	0.00	85,885,500	0	429,427,500			5,541,000	675,390,000		
	386			164.40	164.40	-	0.00	25,482,000	0	127,410,000			1,644,000			
73	254	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Thương (cúc)	Thôn 4, xã Phù Đổng	369.60	369.60	-	0.00	57,288,000	0	286,440,000			3,696,000	451,200,000		
	405			110.40	110.40	-	0.00	17,112,000	0	85,560,000			1,104,000			
74	256	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Tâm (loan)	Thôn 4, xã Phù Đổng	369.60	369.60	-	0.00	57,288,000	0	286,440,000			3,696,000	451,200,000		
	406			110.40	110.40	-	0.00	17,112,000	0	85,560,000			1,104,000			
75	257	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Toàn (nhân)	Thôn 4, xã Phù Đổng	277.20	277.20	-	0.00	42,966,000	0	214,830,000			2,772,000	338,400,000		
	407			82.80	82.80	-	0.00	12,834,000	0	64,170,000			828,000			
76	258	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Thát (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Thạch Văn Thát	Thôn 4, xã Phù Đổng	554.40	554.40	-	0.00	85,932,000	0	429,660,000			5,544,000	557,702,000		
	404			165.60	38.90	-	126.70	6,029,500	0	30,147,500			389,000			
77	259	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Ngọc	Thôn 4, xã Phù Đổng	245.00	245.00	-	0.00	37,975,000	0	189,875,000			2,450,000	333,324,000		
	384			109.60	109.60	-	0.00	16,988,000	0	84,940,000			1,096,000			
78	262	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Tiến Phương	Thôn 4, xã Phù Đổng	186.60	186.60	-	0.00	28,923,000	0	144,615,000			1,866,000	175,404,000		
79	263	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Lợi (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Lợi	Thôn 4, xã Phù Đổng	559.80	559.80	-	0.00	86,769,000	0	433,845,000			5,598,000	526,212,000		
80	264	Hộ gia đình ông (bà) Lý Duy Cúc	Thôn 4, xã Phù Đổng	373.20	373.20	-	0.00	57,846,000	0	289,230,000			3,732,000	350,808,000		
81	265	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Tiến	Thôn 4, xã Phù Đổng	292.80	292.80	-	0.00	45,384,000	0	226,920,000			2,928,000	353,628,000		
	370			83.40	83.40	-	0.00	12,927,000	0	64,635,000			834,000			
82	266	Hộ gia đình ông (bà) Lý Duy Thăng	Thôn 4, xã Phù Đổng	373.20	373.20	-	0.00	57,846,000	0	289,230,000			3,732,000	350,808,000		
83	267	Hộ gia đình ông (bà) Lý Duy Khương	Thôn 4, xã Phù Đổng	466.50	466.50	-	0.00	72,307,500	0	361,537,500			4,665,000	438,510,000		

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thương tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
84	268	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Mạnh Hùng (huong)	Thôn 4, xã Phù Đổng	533.60	533.60	-	0.00	82,708,000	0	413,540,000				5,336,000	854,648,000	
	303			375.60	375.60	-	0.00	58,218,000	0	291,090,000				3,756,000		
85	274	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Hòa(Bình) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thị Hòa(Bình)	Thôn 4, xã Phù Đổng	271.80	271.80	-	0.00	42,129,000	0	210,645,000				2,718,000	255,492,000	
86	277	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Chiến (Háo)	Thôn 4, xã Phù Đổng	554.40	554.40	-	0.00	85,932,000	0	429,660,000				5,544,000	521,136,000	
87	279	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đức Thìn (thành)	Thôn 4, xã Phù Đổng	642.60	642.60	-	0.00	99,603,000	0	498,015,000				6,426,000	1,015,952,000	
	297			438.20	438.20	-	0.00	67,921,000	0	339,605,000				4,382,000		
88	280	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Ngọc Soan (phương)	Thôn 4, xã Phù Đổng	459.00	459.00	-	0.00	71,145,000	0	355,725,000				4,590,000	431,460,000	
89	281	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đình Vũ (thuận) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Đình Vũ (thuận)	Thôn 4, xã Phù Đổng	550.80	550.80	-	0.00	85,374,000	0	426,870,000				5,508,000	517,752,000	
90	284	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Hữu Thứ	Thôn 4, xã Phù Đổng	462.00	462.00	-	0.00	71,610,000	0	358,050,000				4,620,000	434,280,000	
	397			138.00	138.00	-	0.00	21,390,000	0	106,950,000				1,380,000	129,720,000	
91	285	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Thành (Huy)	Thôn 4, xã Phù Đổng	362.40	362.40	-	0.00	56,172,000	0	280,860,000				3,624,000	340,656,000	
92	286	Ông Thạch Văn Hòe	Thôn 4, xã Phù Đổng	543.60	543.60	-	0.00	84,258,000	0	421,290,000				5,436,000	510,984,000	
93	287	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Thị Tuất	Thôn 4, xã Phù Đổng	181.20	181.20	-	0.00	28,086,000	0	140,430,000				1,812,000	170,328,000	
94	288	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Tình (Bát)	Thôn 4, xã Phù Đổng	104.00	104.00	-	0.00	16,120,000	0	80,600,000				1,040,000	601,600,000	
	289			536.00	536.00	-	0.00	83,080,000	0	415,400,000				5,360,000		
95	290	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Thị Thề	Thôn 4, xã Phù Đổng	640.00	640.00	-	0.00	99,200,000	0	496,000,000				6,400,000	601,600,000	
96	293	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đình Hùng	Thôn 4, xã Phù Đổng	313.00	313.00	-	0.00	48,515,000	0	242,575,000				3,130,000	294,220,000	
97	294	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đình Oai	Thôn 4, xã Phù Đổng	250.40	250.40	-	0.00	38,812,000	0	194,060,000				2,504,000	235,376,000	
98	296	Hộ gia đình ông (bà) Lê Văn Khôi	Thôn 4, xã Phù Đổng	250.40	250.40	-	0.00	38,812,000	0	194,060,000				2,504,000	235,376,000	
99	298	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Thái (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thị Thái	Thôn 4, xã Phù Đổng	1,120.00	1,120.00	-	0.00	173,600,000	0	868,000,000				10,000,000	1,051,600,000	
100	299	Hộ gia đình ông (bà) Đào Tiến Thọ (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Đào Tiến Thọ	Thôn 4, xã Phù Đổng	375.60	375.60	-	0.00	58,218,000	0	291,090,000				3,756,000	353,064,000	

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thương tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
101	300	Hộ gia đình ông (bà) Đào Tiến Cam	Thôn 4, xã Phù Đổng	375.60	231.42	-	144.18	35,870,100	0	179,350,500				2,314,200	217,534,800	
102	301	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Dũng	Thôn 4, xã Phù Đổng	375.60	375.60	-	0.00	58,218,000	0	291,090,000				3,756,000	353,064,000	
103	308	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thọ Minh	Thôn 4, xã Phù Đổng	332.40	332.40	-	0.00	51,522,000	0	257,610,000				3,324,000	312,456,000	
104	309	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Ninh	Thôn 4, xã Phù Đổng	221.60	221.60	-	0.00	34,348,000	0	171,740,000				2,216,000	208,304,000	
105	310	Hộ gia đình ông (bà) Phạm Thị Cúc	Thôn 4, xã Phù Đổng	221.60	221.60	-	0.00	34,348,000	0	171,740,000				2,216,000	208,304,000	
106	311	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Quang (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Quang	Thôn 4, xã Phù Đổng	313.00	313.00	-	0.00	48,515,000	0	242,575,000				3,130,000	294,220,000	
107	314	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Bích (Ngô Thị Bích)	Thôn 4, xã Phù Đổng	221.60	221.60	-	0.00	34,348,000	0	171,740,000				2,216,000	208,304,000	
108	315	Hộ gia đình ông (bà) Lý Duy Hà	Thôn 4, xã Phù Đổng	221.60	221.60	-	0.00	34,348,000	0	171,740,000				2,216,000	208,304,000	
109	317	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Tân (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Tân	Thôn 4, xã Phù Đổng	193.20	193.20	-	0.00	29,946,000	0	149,730,000				1,932,000	181,608,000	
110	318	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Tân (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Tân	Thôn 4, xã Phù Đổng	165.40	165.40	-	0.00	25,637,000	0	128,185,000				1,654,000	155,476,000	
111	320	Hộ gia đình ông (bà) Phạm Thị Năm	Thôn 4, xã Phù Đổng	165.60	165.60	-	0.00	25,668,000	0	128,340,000				1,656,000	155,664,000	
112	322	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Ngọc Biên (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Ngọc Biên	Thôn 4, xã Phù Đổng	138.00	138.00	-	0.00	21,390,000	0	106,950,000				1,380,000	129,720,000	
113	323	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Dư (Đặng Thị Dư)	Thôn 4, xã Phù Đổng	82.80	82.80	-	0.00	12,834,000	0	64,170,000				828,000	77,832,000	
114	325	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Hùng	Thôn 4, xã Phù Đổng	111.20	111.20	-	0.00	17,236,000	0	86,180,000				1,112,000	104,528,000	
115	330	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đạo Hội	Thôn 4, xã Phù Đổng	193.20	193.20	-	0.00	29,946,000	0	149,730,000				1,932,000	181,608,000	
116	332	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Hương	Thôn 4, xã Phù Đổng	55.20	55.20	-	0.00	8,556,000	0	42,780,000				552,000	51,888,000	
117	333	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Hưng	Thôn 4, xã Phù Đổng	165.60	165.60	-	0.00	25,668,000	0	128,340,000				1,656,000	155,664,000	
118	338	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Chung	Thôn 4, xã Phù Đổng	111.20	111.20	-	0.00	17,236,000	0	86,180,000				1,112,000	104,528,000	
119	339	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Vinh (Phúc)	Thôn 4, xã Phù Đổng	139.00	139.00	-	0.00	21,545,000	0	107,725,000				1,390,000	130,660,000	
120	340	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đức Giao	Thôn 4, xã Phù Đổng	164.40	164.40	-	0.00	25,482,000	0	127,410,000				1,644,000	154,536,000	
121	341	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đức Thông	Thôn 4, xã Phù Đổng	137.00	30.40	-	106.60	4,712,000	0	23,560,000				304,000	28,576,000	
122	343	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Tiến Chiến	Thôn 4, xã Phù Đổng	138.00	138.00	-	0.00	21,390,000	0	106,950,000				1,380,000	129,720,000	

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thương tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
123	344	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Lan	Thôn 4, xã Phù Đổng	137.00	137.00	-	0.00	21,235,000	0	106,175,000				1,370,000	128,780,000	
124	345	Hộ gia đình ông (bà) Vũ Thị Hoàn	Thôn 4, xã Phù Đổng	27.40	27.40	-	0.00	4,247,000	0	21,235,000				274,000	25,756,000	
125	346	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Minh (Hòa)	Thôn 4, xã Phù Đổng	164.40	164.40	-	0.00	25,482,000	0	127,410,000				1,644,000	154,536,000	
126	348	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Ngọc Nghĩa (bảy)	Thôn 4, xã Phù Đổng	137.00	137.00	-	0.00	21,235,000	0	106,175,000				1,370,000	128,780,000	
127	349	Hộ gia đình ông (bà) Kiều Thị San	Thôn 4, xã Phù Đổng	109.60	109.60	-	0.00	16,988,000	0	84,940,000				1,096,000	103,024,000	
128	351	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Luân	Thôn 4, xã Phù Đổng	139.00	139.00	-	0.00	21,545,000	0	107,725,000				1,390,000	130,660,000	
129	352	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Trinh	Thôn 4, xã Phù Đổng	111.20	111.20	-	0.00	17,236,000	0	86,180,000				1,112,000	104,528,000	
130	353	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Cương (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Thạch Văn Cương	Thôn 4, xã Phù Đổng	166.80	166.80	-	0.00	25,854,000	0	129,270,000				1,668,000	156,792,000	
131	354	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Thêm	Thôn 4, xã Phù Đổng	55.60	55.60	-	0.00	8,618,000	0	43,090,000				556,000	52,264,000	
132	355	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Ngọc Thuận (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Ngọc Thuận	Thôn 4, xã Phù Đổng	111.20	111.20	-	0.00	17,236,000	0	86,180,000				1,112,000	104,528,000	
133	357	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Khắc Chiến	Thôn 4, xã Phù Đổng	191.80	191.80	-	0.00	29,729,000	0	148,645,000				1,918,000	180,292,000	
134	358	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Tiến Khoát	Thôn 4, xã Phù Đổng	82.80	82.80	-	0.00	12,834,000	0	64,170,000				828,000	77,832,000	
135	359	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Thùy	Thôn 4, xã Phù Đổng	138.00	138.00	-	0.00	21,390,000	0	106,950,000				1,380,000	129,720,000	
136	360	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Quý	Thôn 4, xã Phù Đổng	193.20	193.20	-	0.00	29,946,000	0	149,730,000				1,932,000	181,608,000	
137	361	Hộ gia đình ông (bà) Lý Thị Gái	Thôn 4, xã Phù Đổng	82.80	82.80	-	0.00	12,834,000	0	64,170,000				828,000	77,832,000	
138	362	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thọ Đô	Thôn 4, xã Phù Đổng	110.40	110.40	-	0.00	17,112,000	0	85,560,000				1,104,000	103,776,000	
139	363	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Ngo	Thôn 4, xã Phù Đổng	165.60	165.60	-	0.00	25,668,000	0	128,340,000				1,656,000	155,664,000	
140	368	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Tuyên (Chiến)	Thôn 4, xã Phù Đổng	166.50	166.50	-	0.00	25,807,500	0	129,037,500				1,665,000	156,510,000	
141	373	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Hà (Thành)	Thôn 4, xã Phù Đổng	139.00	139.00	-	0.00	21,545,000	0	107,725,000				1,390,000	130,660,000	
142	390	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Gia Thụy (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Gia Thụy	Thôn 4, xã Phù Đổng	110.40	110.40	-	0.00	17,112,000	0	85,560,000				1,104,000	103,776,000	
143	391	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Anh	Thôn 4, xã Phù Đổng	110.40	110.40	-	0.00	17,112,000	0	85,560,000				1,104,000	103,776,000	
144	392	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị An (Năm)	Thôn 4, xã Phù Đổng	193.20	193.20	-	0.00	29,946,000	0	149,730,000				1,932,000	181,608,000	

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thương tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
145	393	Hộ gia đình ông (bà) Lý Duy Bình (Năm) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Lý Duy Bình (Năm)	Thôn 4, xã Phù Đổng	276.00	276.00	-	0.00	42,780,000	0	213,900,000				2,760,000	259,440,000	
146	394	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Cúc (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Cúc	Thôn 4, xã Phù Đổng	138.00	138.00	-	0.00	21,390,000	0	106,950,000				1,380,000	129,720,000	
147	395	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Đông	Thôn 4, xã Phù Đổng	110.40	110.40	-	0.00	17,112,000	0	85,560,000				1,104,000	103,776,000	
148	398	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Cường	Thôn 4, xã Phù Đổng	138.00	138.00	-	0.00	21,390,000	0	106,950,000				1,380,000	129,720,000	
149	399	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Quyên	Thôn 4, xã Phù Đổng	82.80	82.80	-	0.00	12,834,000	0	64,170,000				828,000	77,832,000	
150	402	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thọ Dũng (Lac)	Thôn 4, xã Phù Đổng	191.80	191.80	-	0.00	29,729,000	0	148,645,000				1,918,000	180,292,000	
151	403	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thọ Lập	Thôn 4, xã Phù Đổng	137.00	52.50	-	84.50	8,137,500	0	40,687,500				525,000	49,350,000	
152	408	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Lộ (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Thạch Văn Lộ	Thôn 4, xã Phù Đổng	165.60	165.60	-	0.00	25,668,000	0	128,340,000				1,656,000	155,664,000	
153	1142	Hộ gia đình ông (bà) Lý Duy Thiệu	Thôn 4, xã Phù Đổng	247.10	247.10	-	0.00	38,300,500	0	191,502,500				2,471,000	232,274,000	
154	1143	Hộ gia đình ông (bà) Lý Duy Cách	Thôn 4, xã Phù Đổng	211.30	211.30	-	0.00	32,751,500	0	163,757,500				2,113,000	198,622,000	
155	1147	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Dũng (Chung)	Thôn 4, xã Phù Đổng	543.60	543.60	-	0.00	84,258,000	0	421,290,000				5,436,000	510,984,000	
156	1148	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Mạnh Thu (lan)	Thôn 4, xã Phù Đổng	453.00	453.00	-	0.00	70,215,000	0	351,075,000				4,530,000	425,820,000	
157	1149	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Mạnh Hán (thúy)	Thôn 4, xã Phù Đổng	453.00	453.00	-	0.00	70,215,000	0	351,075,000				4,530,000	425,820,000	
158	1150	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Mạnh Du (Nhưng)	Thôn 4, xã Phù Đổng	453.00	453.00	-	0.00	70,215,000	0	351,075,000				4,530,000	425,820,000	
159	1151	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Thanh (Nguyễn Văn Nhâm)	Thôn 4, xã Phù Đổng	452.50	452.50	-	0.00	70,137,500	0	350,687,500				4,525,000	425,350,000	
160	1153	Hộ gia đình ông (bà) Bùi Thị Tập (tự) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Bùi Thị Tập (tự)	Thôn 4, xã Phù Đổng	1.60	1.60	-	0.00	248,000	0	1,240,000				16,000	1,504,000	
161	1154	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Bé (Cận) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thị Bé (Cận)	Thôn 4, xã Phù Đổng	171.20	171.20	-	0.00	26,536,000	0	132,680,000				1,712,000	160,928,000	
162	331	Hộ gia đình ông (bà) Ngô Phong Nhân (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Ngô Phong Nhân	Thôn 4, xã Phù Đổng	220.80	220.80	-	0.00	34,224,000	0	171,120,000				2,208,000	207,552,000	
163	233	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị	Thôn 4, xã Phù Đổng	456.50	456.50	-	0.00	70,757,500	0	353,787,500				4,565,000	557,800,000	

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thương tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
	365	Ninh (thịnh)	Thôn 4, xã Phú Đông	137.00	137.00	-	0.00	21,235,000	0	106,175,000				1,370,000	127,606,000	
Tổng				68,088.80	67,154.85	80.50	853.45	10,421,479,250	0	52,107,396,250	0	0	0	659,651,500	63,188,527,000	